

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Hiến

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Chị Nguyễn Thị Hồng P***, sinh năm 1984; HKTT và nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện K, TP Hà Nội. “*Có mặt*”.

Bị đơn: ***Anh Cầm Bá C***, sinh năm 1990; HKTT: Thôn N, xã X, huyện K, TP Hà Nội. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Tôi và anh Cầm Bá C có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tuy nhiên mới lấy về vợ chồng tôi đã hay cãi nhau, nguyên nhân là do anh C ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, nóng tính, đánh con như kẻ thù, cờ bạc qua đêm đến sáng không về. Đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh C bỏ ra ngoài sinh sống, từ đó vợ chồng tôi sống ly thân với nhau, anh C quê quán ở Thanh Hóa, nên khi anh C bỏ nhà tôi đi thì anh C đi đâu sống tôi không biết. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh C. Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung tên Cầm Gia P sinh ngày 21/10/2012 và Cầm Thùy G sinh ngày 03/11/2015, hiện hai con đang chung sống với tôi, từ ngày anh C bỏ đi anh C không hề có trách nhiệm gì với hai con, sau khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi con. Về điều kiện nuôi con, tôi được cha mẹ để cho nhà đất tại N, X nhưng chưa sang tên, nghề nghiệp tôi làm công nhân hàn mạ tại Công ty kim khí Thăng Long, lương tháng trung bình khoảng 6.000.000 đồng, còn anh C không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, các con hiện còn quá bé, tôi đề nghị giao con cho tôi nuôi, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về con riêng: Tôi có 01 con riêng với chồng trước tên Đỗ Thị Thu Thảo sinh năm 2006, quyết định ly hôn trước giao cháu Thảo cho tôi nuôi, tôi không yêu cầu xem xét gì đối với cháu Thảo. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Cầm Bá C vắng mặt tại phiên tòa, quá trình chuẩn bị xét xử đã có lời khai trình bày như sau: Tôi và chị Nguyễn Thị Hồng P có kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2011 tại UBND xã X, K, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị P ở N, X, K sinh sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau nên hay cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng là khoảng tháng 8/2019, vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ đó đến nay, tôi ra ngoài thuê trọ ở, gia đình hai bên cũng khuyên P nhiều nhưng do chúng tôi đã lớn nên gia đình để cho hai vợ chồng tự quyết định. P án đoàn tụ không biết làm như thế nào, nếu chị P cương quyết xin ly hôn, tôi vẫn không đồng ý. Về con chung vợ chồng, tôi và chị P

có 02 con chung tên Cầm Gia P sinh ngày 21/10/2012 và Cầm Thùy G sinh ngày 03/11/2015, hiện hai con đang sinh sống với chị P. Giả sử phải ly hôn, tôi đề nghị được nuôi cháu Gia P và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, hiện tôi đang làm tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, nhà ở thuê trọ thôn Cự Đà, xã X, K, Hà Nội. Tài sản chung, nợ chồng tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015. Đương sự trong vụ án, nguyên đơn chấp hành các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành chưa đầy đủ qui định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Cầm Bá C có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P và anh C đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 8/2019 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cho chị P được ly hôn anh C là có căn cứ. Về con chung, chị P có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Hai cháu Cầm Gia P và Cầm Thùy G hiện đang do chị P nuôi dưỡng, chị P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng có chứng cứ chứng minh, anh C không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh nghề nghiệp thu nhập, chị P được gia đình hỗ trợ và tạo điều kiện về nơi sinh sống sau ly hôn, 02 con chị P còn nhỏ một cháu 5 tuổi, 1 cháu 8 tuổi, cháu P có nguyện vọng sống với chị P, xét nên giao hai con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ. Chị P không có yêu cầu cấp dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng của anh C cho đến khi có yêu cầu mới là có căn cứ. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị P không yêu cầu, đề nghị không xem xét giải quyết. Án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Nguyễn Thị Hồng P yêu cầu xin ly hôn với anh Cầm Bá C, giải quyết nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

Bị đơn anh Cầm Bá C, có đăng ký hộ khẩu tại xã X, K, Hà Nội do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cầm Bá C đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Cầm Bá C có tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội, có xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn bản chính, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chuẩn bị xét xử, chị P và anh C cùng thống nhất vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2019 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, tình tiết này các bên thừa nhận không phải chứng minh, nên được ghi nhận theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS, xác định chị P và anh C đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 đến nay. Xét chị P và anh C không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cho chị P được ly hôn anh C là có căn cứ.

2.2. Về con chung vợ chồng: Chị P và anh C có 02 con chung tên Cầm Gia P sinh ngày 21/10/2012 và Cầm Thùy G sinh ngày 01/11/2015. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi 02 con, xét điều kiện nuôi con chị P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, lương trung bình 5.000.000 đồng/tháng, đã xuất trình Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần kim khí Thăng Long, nơi sinh sống sau ly hôn được gia đình bố mẹ tạo điều kiện về nơi sinh sống đã được chính quyền địa P xác nhận; cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Trong khi anh C không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập và nghề nghiệp, không có tài liệu chứng cứ chứng minh về nơi sinh sống ổn định; cháu G còn nhỏ, xét nên giao hai cháu cho chị P nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị P không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về con riêng của chị P có 01 cháu tên Đỗ Thị Thu Thảo, sinh năm 2006 đã được xem xét giải quyết về nuôi dưỡng bằng quyết định có Hiệu lực pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P và anh C không yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của chị P được chấp nhận, chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các vào Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P với anh Cầm Bá C. Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Cầm Bá C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Cầm Bá C có 02 con chung, tên Cầm Gia P sinh ngày 21/10/2012 và Cầm Thùy G sinh ngày 03/11/2015. Khi ly hôn, giao hai cháu Gia P và Thùy G cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Cầm Bá C không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P và anh C không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0005283 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn, ghi nhận chị P đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Hồng P có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Cầm Bá C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội (Số 32, quyển số 01/2011 ngày 02/6/2011).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thiên Hương